

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ - ST
Ngày 29/12/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thế, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2023, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 234 H, tổ dân phố 2, phường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh T. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố N trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 14/9/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn mâu thuẫn. Vợ

chồng sống ly thân từ tháng 02/2002 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Toàn N, sinh năm 1999; Phạm Văn A, sinh năm 2002. Ly hôn các con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và xác minh với gia đình anh T thì được chị gái anh T là chị Phạm Thị T cung cấp: Gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi cho anh T và đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản trên cho anh T. Anh T đã biết việc chị N xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Anh T có ý kiến là chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung, chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Toàn N, sinh năm 1999; Phạm Văn A, sinh năm 2002. Ly hôn các con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu tòa án giải quyết. Hiện anh T làm nghề tự do tại tỉnh Bình Định, thường xuyên thay đổi chỗ ở nên chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho Tòa án nhưng anh T thường xuyên gọi điện thoại cho chị và thường xuyên về xã Đ, huyện Đông Hưng. Chị nhận các văn bản của Tòa án thay anh Toàn và cam kết thông báo ngay nội dung văn bản cho anh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Tô N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Phạm Văn T đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tô N: Xử cho chị N được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Toàn N, sinh năm 1999; Phạm Văn A, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, chị N khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh T về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị N và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T có nơi thường trú tại xã Đ, huyện Đông

Hung, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị N, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 14/9/1999 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung hòa thuận đến 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị N xin ly hôn, anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thì quá trình chung sống chị N và anh T có mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị N xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2002, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Toàn N, sinh năm 1999; Phạm Văn A, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh T về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị N và anh T.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tố N được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Toàn N, sinh năm 1999 và Phạm Văn A, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003012 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Noinhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND phường H, tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Lan Phương

